

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DS-ST
Ngày: 26-5-2023
V/v “TrXh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DXH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Huỳnh Tường Viên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Chung**
Bà **Lê Thị Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Bích Thảo** – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 275/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc “TrXh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-DS ngày 22/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-DS ngày 11/4/2023, Thông báo dời ngày xét xử vụ án dân sự sơ thẩm số 94/2023/DSST-TB ngày 08/5/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị T** – Sinh năm 1978

Nơi cư trú: Thôn S, xã Ninh X, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Phạm H** – Sinh năm 1961.
Địa chỉ: phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (theo giấy ủy quyền số công chứng 8989, quyển số 18/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/12/2022 tại Văn phòng công chứng K). Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Ngọc C** – Sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn N, xã X, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông **Nguyễn Văn H** – Sinh năm 1972

Nơi cư trú: Thôn S, xã X, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Xin vắng mặt.

- Người làm chứng:

Bà **Bùi Thị H** – Sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Thôn S, xã X, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Phạm H trình bày:

Ngày 22/8/2021 âm lịch, bà Trần Thị T cho bà Trần Thị Ngọc C mượn số tiền 60.000.000 đồng để làm ăn. Hai bên có viết giấy mượn tiền hẹn thời giX trả nợ trong vòng 01 tháng. Hết thời giX trả nợ bà C vẫn chây ỳ không trả số nợ trên mặc dù bà T đến nhà đòi nhiều lần. Nay nguyên đơn yêu cầu bà Trần Thị Ngọc C trả số tiền 60.000.000 đồng vào một lần và không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn bà Trần Thị Ngọc C đã được Tòa án nhiều lần triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2023 – người có quyền lợi nghĩa vụ liên quX – ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông có biết việc bà Trần Thị T cho bà Trần Thị Ngọc C vay tiền nhưng không rõ số tiền cụ thể và trả nợ thế nào. Đây là số tiền riêng của bà T không phải tài sản chung của vợ chồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2023 – người làm chứng bà Bùi Thị H trình bày: Ngày 22/8/2021, tại nhà bà Trần Thị T ở thôn S, xã Ninh X, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, bà Trần Thị T cho bà Trần Thị Ngọc C vay số tiền 60.000.000 đồng để làm ăn thời hạn mượn là 01 tháng. Bà chứng kiến việc vay mượn tiền và lập giấy mượn còn khi hai bên giao tiền thì bận việc nhà nên phải về trước. Ngoài ra bà không chứng kiến gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quX điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn vắng mặt dù được triệu tập hợp lệ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát có quX điểm cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu bị đơn phải thXh toán số tiền 60.000.000 đồng vào một lần và không yêu cầu lãi suất. Xét thấy bị đơn chưa trả khoản vay khi đến hạn là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trXh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị Ngọc C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo dời ngày xét xử nhưng bà C vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quX. Bị đơn không có yêu cầu phản tố. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quX và người làm chứng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị Ngọc C có hộ khẩu thường trú tại thôn Ngọc Sơn, xã Ninh X, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Do đó Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa có thẩm

quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quX hệ trXh chấp:

Quá trình thụ lý đã xác định quX hệ pháp luật trXh chấp là “*TrXh chấp đòi lại tài sản*” nhưng theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thXh toán khoản vay. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quX hệ pháp luật trXh chấp là “*TrXh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Ngày 22/8/2021 âm lịch giữa nguyên đơn và bị đơn có viết giấy mượn tiền với nội dung: “*Hôm nay ngày 22/8/2021 âm lịch tại thôn S, xã Ninh X, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tôi tên Trần Thị Ngọc C sinh ngày 25/10/1982 số CMND:225199494 ngày cấp 07/1/2017 có mượn của bà Trần Thị T sinh năm 1978 số tiền 60.000.000đ. Tôi xin cam đoX sẽ trả số tiền trên đúng thời giX quy định trong vòng 01 tháng. Nếu sai quy định tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật*” Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thừa nhận có việc vay mượn tiền. Việc thỏa thuận vay tài sản giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, về nội dung và hình thức của giấy vay tiền là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng vay tài sản giữa các bên là hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 60.000.000 đồng theo giấy mượn tiền đề ngày 22/8/2021 âm lịch. Theo lời trình bày của nguyên đơn thì kể từ khi hết hạn vay đến nay, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bà C thXh toán khoản vay nhưng bị đơn vẫn lẩn tránh, chây ỳ cố tình không chịu trả.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung của giấy mượn tiền đề ngày 22/8/2021 âm lịch thể hiện số tiền vay là 60.000.000 đồng thời hạn thXh toán 01 tháng nên xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi suất. Sau khi đến hạn trả, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền theo nội dung giấy mượn là vi phạm hợp đồng giữa hai bên xác lập. Hơn nữa nguyên đơn còn trực tiếp đến nhà nhiều lần để yêu cầu thXh toán nhưng bị đơn vẫn cố tình trốn tránh, không có thiện chí trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét khoản vay đã lâu, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bà Trần Thị Ngọc C trả số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) vào một lần cho bà Trần Thị T là có căn cứ theo quy định tại các Điều 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát có quX điểm đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thXh toán khoản tiền đã vay. QuX điểm nói trên của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bX thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn bà Trần Thị Ngọc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 60.000.000đ x 5% = 3.000.000đ.

Hoàn trả cho bà Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 264; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Trần Thị Ngọc C phải trả cho bà Trần Thị T số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) vào một lần.

Quy định chung: Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí:

Bà Trần Thị Ngọc C phải nộp 3.000.000đ (Ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0005492 ngày 06/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N.

3. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TXD tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- THADS thị xã N
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Huỳnh Tường Viên